

A. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN:

I. PHẦN VĂN BẢN

1. Thơ, truyện

- Thơ: Mùa xuân nho nhỏ, Viếng Lăng Bác, Sang Thu, Nói với con, Mây và Sóng.
- Truyện: Những ngôi sao xa xôi. Bó của Xi-mông.

* Yêu cầu:

* Lập bảng thống kê theo mẫu sau:

Tên văn bản	Tên tác giả	Hoàn cảnh ra đời	Thể loại	Giá trị nội dung	Giá trị nghệ thuật

- Thuộc thơ.
- Tóm tắt truyện.
- Nắm nghĩa các từ khó.
- Nắm những nét chính về tác giả:
 - + Tên tác giả, năm sinh-năm mất, quê quán, tên quốc gia (tác phẩm VHNN)
 - + Cuộc đời, sự nghiệp.
 - + Phong cách sáng tác, đề tài sáng tác
 - + Giải thưởng.
- Nắm những nét chính về tác phẩm:
 - + Hoàn cảnh sáng tác.
 - + Ý nghĩa nhan đề.
 - + Phương thức biểu đạt
 - + Mạch cảm xúc, thể thơ (tác phẩm thơ)
 - + Cốt truyện, ngôi kể, tình huống, ngôn ngữ, nhân vật... (tác phẩm truyện).
- Nắm nội dung, nghệ thuật chính mỗi văn bản
- Luyện tập viết bài văn, đoạn văn phân tích tác phẩm theo đặc trưng thể loại
- Hiểu, đồng cảm với cảm xúc, số phận và nắm được vẻ đẹp, giá trị của mỗi nhân vật trong tác phẩm truyện.

- Nắm thông điệp tác giả gửi gắm trong mỗi tác phẩm: Tình yêu quê hương đất nước, tình yêu gia đình, bạn bè, tình người

2. Các văn bản nghị luận, nhật dụng:

- Bàn về đọc sách

* Yêu cầu:

- Nắm những nét chính về tác giả.
- Nắm nghĩa các từ khó.
- Nắm phương thức biểu đạt
- Nắm nội dung chính mỗi văn bản.
- Nắm được hệ thống luận điểm, luận cứ, phương pháp lập luận ... và biết cách triển khai luận điểm

3. Ngữ liệu trong các bài Tiếng Việt, Tập làm văn.

* Yêu cầu

- Đọc- hiểu văn bản.
- Biết khai thác kiến thức Tiếng Việt, tập làm văn trong văn bản (Phương thức biểu đạt, kiểu câu, phép liên kết, thành phần biệt lập, khởi ngữ, hàm ý, lời dẫn trực tiếp...),
- Nắm được phương pháp nghị luận về một vấn đề xã hội rút ra từ văn bản.

II. TIẾNG VIỆT:

1. Khởi ngữ.
2. Các thành phần biệt lập trong câu.
3. Nghĩa tường minh, hàm ý.
4. Liên kết câu và liên kết đoạn văn.
5. Các kiến thức TV lớp 6,7,8, HKI lớp 9 (Từ loại. Cụm từ. Thành phần câu. Các kiểu câu, các biện pháp tu từ. Các phương châm hội thoại ...)

*Yêu cầu:

- Nắm vững khái niệm và nhận biết được: Khởi ngữ, các thành phần biệt lập, nghĩa tường minh, hàm ý; các phép liên kết, các biện pháp tu từ, các kiểu câu...
- Nắm được ý nghĩa tác dụng của các kiến thức trên trong việc thể hiện nội dung, nghệ thuật mỗi tác phẩm.
- Làm thành thạo các bài tập trong sgk.
- Biết vận dụng kiến thức tiếng việt khi đặt câu, khi viết đoạn văn, bài văn...

III. TẬP LÀM VĂN:

a. Thể loại

- Văn tự sự:
- Văn biểu cảm
- Văn thuyết minh:
- Nghị luận văn học:
 - + Nghị luận về tác phẩm truyện (đoạn trích).
 - + Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.
- Nghị luận xã hội:
 - + Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý
 - + Nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong cuộc sống.

b. Yêu cầu:

- Viết bài văn hoặc đoạn văn (theo phương pháp lập luận diễn dịch, qui nạp, tổng-phân-hợp):
 - + Vận dụng các kiến thức tiếng việt, nội dung các văn bản đã học và hiểu biết xã hội.
 - + Ngôn ngữ trong sáng, diễn đạt rõ ràng, khúc triết, mạch lạc.
- Với văn nghị luận:
 - + Sử dụng phối hợp các thao tác: phân tích, bình luận, so sánh, đối chiếu, liên tưởng ...
 - + Lập luận chặt chẽ; lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục.

*Ví dụ:

- + Kể lại câu chuyện, tóm tắt tác phẩm truyện.
- + Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhân vật truyện...
- + Phân tích, cảm nhận về 1 đoạn thơ, bài thơ, tác phẩm truyện (đoạn trích); làm sáng tỏ một nhận định...
- + Nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống, một tư tưởng đạo lý, một vấn đề rút ra từ tác phẩm văn học, từ văn bản ngữ liệu TV-TLV...

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

Bài 1.

Tình cảm với Bác Hồ trở thành cảm hứng bất tận trong thi ca. Mở đầu bài thơ "Viếng lăng Bác, Viễn Phương viết:

"Mai về miền Nam thương trào nước mắt"

(*Ngữ văn 9*, tập 2, NXB Giáo dục 2011, tr.70)

- a. Chép chính xác những câu thơ nối tiếp để hoàn thành khổ thơ .
- b. Em hiểu như thế nào về hình ảnh tre xuất hiện trong khổ cuối bài thơ.

- c. Hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 10 câu theo phép lập luận tổng - phân - hợp, làm rõ những cảm xúc của nhà thơ khi rời lăng Bác. Đoạn văn có sử dụng phép thế và có một câu chứa thành phần khởi ngữ, (gạch chân, chú thích rõ)

Bài 2: Trong bài thơ Mùa xuân nho nhỏ, tác giả Thanh Hải viết:

“*Ta làm con chim hót*”

.....
(*Ngữ văn 9*, tập 2, NXB Giáo dục 2011, tr.118)

- a. Chép tiếp để hoàn thiện khổ thơ.
b. Chỉ ra những biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên và nêu tác dụng.
c. Đoạn trích trên cho em cảm nhận gì về ước nguyện cao đẹp của nhà thơ. Hãy trình bày cảm nhận đó bằng một đoạn văn khoảng 10 câu. Đoạn văn sử dụng một thành phần biệt lập, một câu đặc biệt. Gạch chân và chú thích rõ.

Bài 3: Trong truyện ngắn "*Những ngôi sao xa xôi*", nhà văn Lê Minh Khuê có đề cho nhân vật Phương Định kể về cuộc sống của cô và đồng đội:

“*Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mình có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mẫn mẫn, cát lao xao trong miệng.*”

(*Ngữ văn 9*, tập 2, NXB Giáo dục 2011, tr.118)

- a. Xét về cấu tạo ngữ pháp, câu văn "*Ngày nào ít ba lần.*" là kiểu câu gì?
b. Nhận xét cách đặt câu trong đoạn văn trên. Tác dụng của cách viết ấy trong việc thể hiện ngôn ngữ, giọng điệu của đoạn văn.
c. Đoạn trích trên cho em cảm nhận gì về công việc và phẩm chất của những cô gái thanh niên xung phong trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước? Hãy trình bày cảm nhận đó bằng một đoạn văn khoảng 10 câu.

Bài 4: Cho đoạn thơ sau

*Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn*

...

Còn quê hương thì làm phong tục.

- a. Tìm từ đồng nghĩa với từ “Thương” trong câu thơ “*Người đồng mình thương lắm con ơi*”.
b. Trong đoạn thơ, tác giả đã nói về những phẩm chất cao đẹp nào của người đồng mình?
c. Tìm thành ngữ trong đoạn thơ trên. Thành ngữ đó biểu thị ý gì?
d. Xác định câu thơ có sử dụng biện pháp so sánh trong đoạn thơ? Tác dụng của biện pháp so sánh đó.
e. Viết 1 đoạn văn khảng 12 câu theo phương pháp T-P-H làm rõ những đức tính cao đẹp của người đồng mình và lời dặn dò của người cha với con. Trong đoạn có sử dụng một phép thế, một câu ghép (Gạch chân và chú thích rõ).

Bài 5: Cho đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“*Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ. Nếu đọc mười quyển sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức lực đọc một quyển thực sự có giá trị. Nếu đọc được 10 quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc 10 lần.*” “*Sách cũ trăm lần xem chẳng chán- Thuộc lòng ngắm kĩ một mình hay.*”

(Theo *Ngữ văn 9*, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

- a. Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Của ai?
b. Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản
c. Tìm câu chủ đề của đoạn trích
d. Chỉ ra một biện pháp so sánh trong đoạn trích và nêu tác dụng.

- e. Hãy viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy trình bày suy nghĩ về lời răn cho mỗi người qua câu “ Sách cũ trăm lần xem chảng chán- Thuộc lòng ngâm kĩ một mình hay.
(Theo Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Bài 6: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Có người nói thành đạt là do gặp thời, có người lại cho là do hoàn cảnh bức bách, có người cho là do có điều kiện được học tập, có người lại cho là do có tài năng trời cho. Các ý kiến đó mỗi ý chỉ nói tới một nguyên nhân, mà lại đều là nguyên nhân khách quan, họ quên mất nguyên nhân chủ quan của con người.

Thật vậy. Gặp thời tức là gặp may, có cơ hội, nhưng nếu chủ quan không chuẩn bị thì cơ hội cũng sẽ qua đi. Hoàn cảnh bức bách tức là hoàn cảnh khó khăn buộc phải khắc phục. Nhưng gặp hoàn cảnh ấy có người bi quan, thất vọng, chán nản, thối chí; có người lại gồng mình vượt qua”

(Nguyễn Hương, Trò chuyện với bạn trẻ, Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018)

1. Xác định một phép liên kết được sử dụng trong hai câu văn in đậm ở trên và chỉ rõ từ ngữ dùng làm phương tiện liên kết.
2. Theo tác giả, khi gặp “hoàn cảnh khó khăn buộc phải khắc phục”, con người có những cách ứng xử nào?
3. Từ nội dung đoạn trích trên, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy thi) về ý kiến: *Phải chắng hoàn cảnh khó khăn cũng là cơ hội để mỗi người khám phá khả năng của chính mình?*

Bài 7: Cho văn bản sau:

“Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.

Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết.

Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay nóng hổi của ông:

– Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

Ông nhìn tôi chăm chăm đôi môi nở nụ cười:

- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông.”

- a. Cả hai nhân vật đã thực hiện chủ yếu phương châm hội thoại nào? Những chi tiết nào thể hiện điều đó?
- b. Xác định các yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự trên. Các yếu tố đó có tác dụng thế nào trong việc thể hiện nội dung truyện?
- c. Từ nội dung văn bản trên, kết hợp với hiểu biết thực tế, em hãy viết đoạn văn 2/3 trang giấy thi nêu suy nghĩ của em về nhận định: *" Lễ phép là một trong đức tính hàng đầu của con người".*

Biên soạn: Nhóm Văn 9